TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HS-ST
Ngày 10-11-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Văn Cẩu

Bà Trần Việt Hồng Phượng

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 10 Tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2022/TLST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2022 đối với Các Bị cáo:

1/ Đ T H, sinh ngày 01-01-1980, tại xã B M, huyện B S, tỉnh Quảng Ngãi; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 2, xã D Đ, huyện D K, tỉnh Khánh Hòa; Nơi cư trú: Số 64/7, đường P C Đ, Phường 4, thành phố V L, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đ V, sinh năm 1949, đã chết và bà N T H, sinh năm 1954, còn sống; Có chồng thứ nhất tên B T D, sinh năm 1977, đã ly hôn năm 2016; Có chồng thứ hai tên Đ N L, sinh năm 1980; Có 05 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 31-3-2022 tại Nhà Tạm giữ – Công an huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2/ N T D, sinh ngày 10 tháng 4 năm 1995, tại tại xã B M, huyện B S, tỉnh Quảng Ngãi; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 5, Thôn P T, xã B M, huyện B S, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Số 64/7, đường P C Đ, Phường 4, thành phố V L, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; Dân tộc:

Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông N T S, sinh năm 1963, đã chết và bà N T T, sinh năm 1964, còn sống; Có vợ tên N T T, sinh năm 1990; Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 31-3-2022 tại Nhà Tạm giữ – Công an huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- *Bị hại:*

1/ Bà L T K L, sinh ngày 11-6-1992
Nơi cư trú: Số nhà 43, Tổ 02, ấp B Đ II, xã B T Đ, huyện P T, tỉnh An Giang.
Vắng mặt tại phiên tòa.

2/ Bà T T T K, sinh ngày 14-9-2002
Nơi cư trú: Tổ 12, ấp M T, xã M H H, thành phố L X, tỉnh An Giang.
Vắng mặt tại phiên tòa.

3/ Bà P T N, sinh ngày 09-11-1997
Nơi cư trú: Ấp P H I, xã B H, huyện C T, tỉnh An Giang.
Vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1/ Bà T T K C, sinh ngày 05-12-1998
Nơi cư trú: Tổ 12, ấp M T, xã M H H, thành phố L X, tỉnh An Giang.
Vắng mặt tại phiên tòa.

2/ Bà P T T L, sinh ngày 05-01-1981
Nơi cư trú: Tổ 14, ấp P H 2, xã B H, huyện C T, tỉnh An Giang.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a)Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Vụ thứ nhất: Khoảng 03 giờ ngày 29-3-2022 D điều khiển xe mô tô biển số: 61F1 – 497.01 chở H từ nhà trọ "K V" tại thành phố V L, tỉnh Vĩnh Long đến khu công nghiệp B H thuộc ấp P H II, xã B H, huyện C T, tỉnh An Giang. Khoảng 06 giờ 40 phút, D dừng xe lại tại cổng khu công nghiệp B H để cho H đi tìm tài sản lấy trộm. Lúc này, H nhìn thấy L T K L để điện thoại bên trong túi xách trên ba ga xe mô tô biển số: 67C1 – 605.98 của L đang đứng cặp mé lộ. L đang mua thức ăn, không trông coi tài sản nên H lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động Iphone 6s Plus (32GB), màu: xám, có ốp lưng bằng nhựa trong suốt có viền màu vàng gold, bên trong điện thoại có 01 sim điện thoại di động số 0878565673 rồi cất giấu vào túi áo khoác của H.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động Iphone 6s Plus (32GB), màu: xám, bên trong điện thoại có sim số thuê bao là: 0878565673. Bên ngoài có ốp lưng bằng nhựa trong suốt có viền màu vàng gold. Đã trao trả cho bị hại L T K L.

Tại kết luận định giá tài sản số 44/KL.HĐ ngày 09-6-2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s Plus (32GB), màu xám, đã qua sử dụng, có giá trị 13.990.000 x 20% = 2.798.000 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá là: 2.798.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 83/KL.HĐ ngày 21-7-2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang kết luận: 01 ốp lưng điện thoại di động Iphone 6s Plus, bằng nhựa trong suốt có viền màu vàng gold, đã qua sử dụng có giá trị là 30.000 x 0% = 0 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá là: 0 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá là: 2.798.000 đồng.

Vụ thứ hai: Sau khi trộm vụ thứ nhất, lúc này khoảng 06 giờ 45 phút cùng ngày, H nhìn thấy T T T K đang mua thức ăn tại các sạp bán thức ăn cặp lề đường, bên trong túi áo khoác bên trái của Kha có để điện thoại nhô ra bên ngoài nên H đi đến áp sát vào người K, lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy A51 (6GB/128GB), màu: trắng, có ốp lưng bằng nhựa màu trắng có hình trái tim nhiều màu sắc, bên trong có 01 sim điện thoại di động số 0875722723 rồi cất giấu vào túi áo khoác của H.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động SamSung Galaxy A51 (6GB/128GB), màu: trắng. Bên ngoài có ốp lưng bằng nhựa màu trắng, có hình trái tim nhiều màu sắc. Đã trao trả cho bị hại T T T K.

Tại kết luận định giá tài sản số 46/KL.HĐ ngày 14-6-2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang kết luận:

- 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A51 (6GB/128GB), màu trắng, đã qua sử dụng, có giá trị là 6.500.000 đồng x 60% = 3.900.000 đồng.
- 01 sim điện thoại số 0875722723, đã qua sử dụng, có giá trị là 0 đồng x 0% = 0 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá là: 3.900.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 84/KL.HĐ ngày 21-7-2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang kết luận: 01 ốp lưng điện thoại di động Samsung Galaxy A51 bằng nhựa màu trắng đã qua sử dụng có giá trị là 30.000 x 0% = 0 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá là: 0 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá là: 3.900.000 đồng.

Vụ thứ ba: Sau vụ thứ hai, khoảng 07 giờ cùng ngày, H nhìn thấy P T N đang đứng mua bánh mì trên vỉa hè. Bên trong túi quần phía trước bên trái của N có để điện thoại nhô ra bên ngoài nên H đi đến áp sát vào người N, lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s Plus (32GB), màu: hồng, có ốp lưng bằng nhựa màu xanh, bên trong có 01 sim điện thoại di động số 0961482609 và số tiền 550.000 đồng được N để phía trong ốp lưng điện thoại rồi cất giấu vào áo khoác

của H. Sau đó, D điều khiển xe mô tô chở H về nhà trọ "K V" thuộc tỉnh Vĩnh Long để cất giấu tài sản vừa trộm được.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động Iphone 6s Plus (32GB), màu: hồng. Bên ngoài có ốp lưng bằng nhựa màu xanh. Đã trao trả cho bị hại P T N.

Tại kết luận định giá tài sản số 62/KL.HĐ ngày 14-6-2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang kết luận:

- 01 điện thoại di động Iphone 6s Plus (32GB), màu hồng, đã qua sử dụng, có giá trị là 11.990.000 đồng x 40% = 4.796.000 đồng.

- 01 sim điện thoại số 0961482609, đã qua sử dụng, có giá trị là 0 đồng x 0% = 0 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá là: 4.796.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 85/KL.HĐ ngày 21-7-2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang kết luận: 01 ốp lưng điện thoại di động Iphone 6s Plus bằng nhựa màu xanh, đã qua sử dụng, có giá trị là 30.000 x 0% = 0 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá là: 0 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá là: 4.796.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị cáo H và bị cáo D chiếm đoạt là 12.044.000 đồng.

Ngoài thực hiện những vụ trộm trên, H và D còn thực hiện nhiều vụ trộm khác tại huyện L H, tỉnh Vĩnh Long. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can và bắt tạm giam đối với Hương và Dũng.

Ngày 02-7-2022, Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành khởi tố vụ án số 64 về tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Ngày 02-7-2022, Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành khởi tố bị can số 40 đối với Đ T H về tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Ngày 02-7-2022, Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành khởi tố bị can số 41 đối với N T D về tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa: Các bị cáo Đ T H và N T D khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung vụ án đã nêu; phù hợp với lời khai của các bị hại bà L T K L, bà T T T K, bà P T N; phù hợp với lời khai của những người làm chứng bà T T K C, bà P T T L; phù hợp với kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Trong quá trình điều tra: Bị hại bà L T K L trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu trên. Bà L đã nhận lại 01 điện thoại di động Iphone 6s Plus (32GB), màu xám, bên trong điện thoại có sim số thuê bao là: 0878565673, bên ngoài có ốp lưng bằng nhựa trong suốt có viền màu vàng gold. không yêu cầu các bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự, yêu cầu xử lý các bị cáo đã lấy trộm tài sản theo quy định.

Trong quá trình điều tra: Bị hại bà T T T K trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu trên. Bà K đã nhận lại 01 điện thoại di động SamSung Galaxy A51 (6GB/128GB), màu trắng, bên ngoài có ốp lưng bằng nhựa màu trắng, có hình trái tim nhiều màu sắc. Không yêu cầu các bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự, yêu cầu xử lý các bị cáo đã lấy trộm tài sản theo quy định.

Trong quá trình điều tra: Bị hại bà P T N trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu trên. Bà N đã nhận lại 01 điện thoại di động Iphone 6s Plus (32GB), màu hồng, bên ngoài có ốp lưng bằng nhựa màu xanh. Yêu cầu các bị cáo lấy trộm phải bồi thường trách nhiệm dân sự số tiền 550.000 đồng và xử lý các bị cáo đã lấy trộm tài sản theo quy định.

Trong quá trình điều tra:

Người làm chứng bà T T K C, bà P T T L trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố.

Hành vi của bị cáo Đ T H và N T D đủ yếu tố cấu thành tội *"trộm cắp tài sản"*.

Bị cáo H là người thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân, có sức khỏe, có khả năng lao động kiếm sống, lẽ ra phải tìm công việc phù hợp, lao động để tạo thu nhập hợp pháp tự nuôi sống bản thân và giúp đở gia đình, nhưng do có tính tham, xem thường pháp luật, lười biếng lao động, muốn có tiền tiêu xài nên đã kêu bị cáo D chở đi tìm tài sản trộm cắp. Chỉ trong buổi sáng ngày 29-3-2022, bị cáo H đã liên tục thực hiện 3 vụ trộm cắp điện thoại di động và tiền của bà L trị giá 2.798.000 đồng, của bà K trị giá 3.900.000 đồng và của bà N trị giá 5.346.000 đồng.

Bị cáo D là người thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân, có sức khỏe, có khả năng lao động kiếm sống. Bị cáo D biết rõ việc chở bị cáo H đi đến khu công nghiệp B H để bị cáo H tìm tài sản lấy trộm là vi phạm pháp luật, nhưng do có tính tham, xem thường pháp luật, lười biếng lao động, muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo D đã đồng ý giúp sức cho bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi của bị cáo H, bị cáo D đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của bị hại bà L, bà K, bà N; gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân.

Trong vụ án này có đồng phạm, các bị cáo cố ý cùng thực hiện hành vi phạm tội; tuy nhiên, không có sự câu kết chặt chẽ, không có sự phân công cụ thể; chỉ là đồng phạm giản đơn. Bị cáo H trực tiếp lấy trộm điện thoại di động và tiền của các bị hại. Do đó, bị cáo H với vai trò là chủ mưu, bị cáo D với vai trò giúp sức.

b)Về các vấn đề khác của vụ án:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, các bị hại đều không có ý kiến hay khiếu nại gì về các kết luận định giá tài sản số 44/KL.HĐ ngày 09-6-2022, số 46/KL.HĐ ngày 14-6-2022, số 62/KL.HĐ ngày 14-6-2022, số 83/KL.HĐ ngày 21-7-2022, số 84/KL.HĐ ngày 21-7-2022 và số 85/KL.HĐ ngày 21-7-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành đã trao trả tài sản do các bị cáo chiếm đoạt cho bị hại là bà L, bà K, bà N.

Bản cáo trạng số 30/CT-VKSCT-HS ngày 03-10-2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã truy tố: Bị cáo Đ T H và bị cáo N T D về tội: *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, học vấn thấp, nên việc am hiểu pháp luật còn hạn chế; Điểm g khoản 1 Điều 52 với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự như: Phạm tội 02 lần trở lên; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Đ T H mức án từ 01 (một) năm đến 02 (hai) năm tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*. Thời hạn tù tính từ ngày 31-3-2022.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, học vấn thấp, nên việc am hiểu pháp luật còn hạn chế; Điểm g khoản 1 Điều 52 với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự như: Phạm tội 02 lần trở lên; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo N T D mức án từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*. Thời hạn tù tính từ ngày 31-3-2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

*Vật chứng liên quan đến vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành đã trao trả cho bị hại bà L 01 điện thoại di động Iphone 6s Plus (32GB), màu xám, bên trong điện thoại có sim số thuê bao là: 0878565673, bên ngoài có ốp lưng bằng nhựa trong suốt có viền màu vàng gold; trả cho bị hại bà K 01 điện thoại di động SamSung Galaxy A51 (6GB/128GB), màu trắng, bên ngoài có ốp lưng bằng nhựa màu trắng, có hình trái tim nhiều màu sắc; trả cho bị hại bà N 01 điện thoại di động Iphone 6s Plus (32GB), màu hồng, bên ngoài có ốp lưng bằng nhựa màu xanh, nên không đặt ra xem xét.

*Phần bồi thường dân sự: Bị hại bà N yêu cầu các bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự số tiền 550.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo H, bị cáo D đồng ý bồi thường thiệt hại cho bà N số tiền 550.000 đồng. Căn cứ Điều 46 và Điều 48 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo H và bị cáo D phải liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại bà N số tiền 550.000 đồng.

*Đối với các vụ trộm trên địa bàn huyện L H, tỉnh Vĩnh Long, Viện kiểm sát nhân dân huyện đã truy tố chuyển Tòa án nhân dân huyện chờ xử lý.

Lời nói sau cùng của bị cáo:

Bị cáo Đ T H: Bị cáo đã thấy được cái sai của bị cáo, bị cáo hối hận, bị cáo hứa sẽ cải tạo tốt khi chấp hành án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo có cơ hội sửa sai, làm lại cuộc đời, sớm về lo cho các con.

Bị cáo N T D: Bị cáo đã thấy được cái sai của bị cáo, bị cáo hối hận, bị cáo hứa sẽ cải tạo tốt khi chấp hành án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo có cơ hội sửa sai, làm lại cuộc đời, sớm về lo cho các con vì vợ của bị cáo đã bỏ đi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:* Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong vụ án này có bị hại và một số người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bị hại và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử giải quyết vụ án, mặt khác, những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ trước tòa. Căn cứ Điều 292 và Điều 293 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] *Về nội dung vụ án:* Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra; lời khai của bị cáo này chứng minh cho hành vi phạm tội của bị cáo khác và ngược lại; phù hợp lời khai của những người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Có đầy đủ căn cứ xác định: khoảng 03 giờ ngày 29-3-2022, bị cáo D điều khiển xe mô tô biển số 61F1 – 497.01 chở bị cáo H từ nhà trọ "K V" ở thành phố V L, tỉnh Vĩnh Long đến khu công nghiệp B H, thuộc xã B H, huyện C T, tỉnh An Giang để bị cáo H tìm tài sản lấy trộm. Trong buổi sáng khoảng từ 06 giờ 30 phút đến khoảng 07 giờ; ngày 29-3-2022, tại khu vực khu công nghiệp B H, thuộc xã B H, huyện C T, tỉnh An Giang. Bị cáo Đ T H là người thành niên, có sức khỏe, có khả năng lao động kiếm sống, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và làm chủ hành vi của mình đã thực hiện hành vi lợi dụng sự sơ hở trong việc trông giữ tài sản của các bị hại, lén lút chiếm đoạt của bị hại bà L T K L 01 điện thoại di động Iphone 6s Plus (32GB), màu xám có giá trị là 2.798.000 đồng; chiếm đoạt

của bị hại bà T T T K 01 điện thoại di động SamSung Galaxy A51 (6GB/128GB), màu trắng có giá trị là 3.900.000 đồng; chiếm đoạt của bị hại bà P T N 01 điện thoại di động Iphone 6s Plus (32GB), màu hồng có giá trị là 4.796.000 đồng và số tiền 550.000 đồng

Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 12.044.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của bị hại bà L, bà K và bà N; gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì

"*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

2. ...

5.Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

Như vậy, hành vi của bị cáo H và bị cáo D đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của các bị hại bà L, bà K và bà N với tổng số tiền 12.044.000 đồng nên đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:* Như chúng ta đều biết, tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo hộ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị nghiêm trị.

Bị cáo H là người thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân, có sức khỏe, có khả năng lao động kiếm sống, lẽ ra phải tìm công việc phù hợp, lao động để tạo thu nhập hợp pháp tự nuôi sống bản thân và giúp đở gia đình, nhưng do có tính tham, xem thường pháp luật, lười biếng lao động, muốn có tiền tiêu xài nên đã kêu bị cáo D chở đi tìm tài sản trộm cắp.

Bị cáo D là người thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân, có sức khỏe, có khả năng lao động kiếm sống. Bị cáo D biết rõ việc chở bị cáo H đi đến khu công nghiệp B H để bị cáo H tìm tài sản lấy trộm là vi phạm pháp luật, nhưng do có tính tham, xem thường pháp luật, lười biếng lao động, muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo D đã đồng ý giúp sức cho bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội.

Các bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của 3 bị hại với lỗi cố ý, gây khó khăn trong cuộc sống kinh tế của họ. Hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng, gây mất trật tự trị an ở địa phương và gây dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải có một mức án nghiêm, tương xứng với hành vi của các bị cáo và cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, nhằm giúp cho bị cáo hiểu được giá trị của lao động, trở thành công dân tốt có ích cho xã hội sau này và cũng để răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

Trong vụ án này có đồng phạm, các bị cáo cố ý cùng thực hiện hành vi phạm tội; tuy nhiên, không có sự câu kết chặt chẽ, không có sự phân công cụ thể; chỉ là đồng phạm giản đơn. Bị cáo H trực tiếp lấy trộm điện thoại di động và tiền của các bị hại. Do đó, bị cáo H với vai trò là chủ mưu, bị cáo D với vai trò giúp sức.

[5] *Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; các bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, học vấn thấp, nên hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] *Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo đều phạm tội 2 lần trở lên nên có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] *Về vật chứng liên quan đến vụ án:* Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành đã trao trả cho bị hại bà L 01 điện thoại di động Iphone 6s Plus (32GB), màu xám, bên trong điện thoại có sim số thuê bao là: 0878565673, bên ngoài có ốp lưng bằng nhựa trong suốt có viền màu vàng gold; trả cho bị hại bà K 01 điện thoại di động SamSung Galaxy A51 (6GB/128GB), màu trắng, bên ngoài có ốp lưng bằng nhựa màu trắng, có hình trái tim nhiều màu sắc; trả cho bị hại bà N 01 điện thoại di động Iphone 6s Plus (32GB), màu hồng, bên ngoài có ốp lưng bằng nhựa màu xanh. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại bà L, bà K đã nhận lại điện thoại di động bị mất trộm và không có yêu cầu gì thêm. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với bị hại bà N đã nhận lại điện thoại di động bị mất trộm và có yêu cầu các bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự số tiền 550.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo H, bị cáo D đồng ý bồi thường thiệt hại cho bà N số tiền 550.000 đồng. Căn cứ Điều 46 và Điều 48 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo H và bị cáo D phải liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại bà N số tiền 550.000 đồng.

[9] Đối với các vụ trộm trên địa bàn huyện L H, tỉnh Vĩnh Long, Viện kiểm sát nhân dân huyện đã truy tố chuyển Tòa án nhân dân huyện chờ xử lý.

[10] *Án phí:* Căn cứ Điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Điều 136 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo D phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo H và bị cáo D phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[11] *Quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo H, bị cáo D có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10-11-2022).

Bị hại bà L, bà K, bà N vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 Tuyên bố: Các bị cáo Đ T H và N T D phạm tội: *"Trộm cắp tài sản"*.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt Đ T H 02 (hai) năm tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*. Thời hạn tù tính từ ngày 31-3-2022.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt N T D 01 (một) năm tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*. Thời hạn tù tính từ ngày 31-3-2022.

Căn cứ vào: Điều 46 và Điều 48 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ Luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Đ T H và bị cáo N T D liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại bà P T N số tiền 550.000đ (năm trăm năm mươi ngàn đồng).

Căn cứ vào: Điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Điều 136 Bộ Luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo Đ T H phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo N T D phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Đ T H và bị cáo N T D phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào: Điều 331 và Điều 333 của Bộ Luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo Đ T H, bị cáo N T D có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10-11-2022).

Bị hại bà L T K L, bà T T T K, bà P T N vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Những người tham gia tố tụng;
-Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
-Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
-Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Châu Thành;
-Nhà Tạm giữ – Công an huyện Châu Thành;
-Phòng kiểm tra nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
-Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
-Lưu văn phòng;
-Lưu hồ sơ.

Lý Đông Hoà